TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 25/2026/HS-ST Ngày 19-3-2026	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thế Sự

Bà Tạ Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Nhật Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2026/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn M, sinh ngày 06/12/1977 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn P, xã K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1; có vợ là Nguyễn Thị H và 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 28/4/2025; có mặt.

2. Nguyễn Văn T2 (tên gọi khác là Trường L), sinh ngày 01/5/1963 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn N, xã K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 2/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Nguyễn Thị N và 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại bản án hình sự sơ thẩm số 356 ngày 22/9/1997 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 05 năm tù về tội Buôn lậu hàng hóa trái phép qua biên giới, quy định tại khoản 3 Điều 97 Bộ luật Hình sự (đã xóa án tích); bị tạm giam từ ngày 28/4/2025 đến ngày 10/02/2026 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lĩnh; có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Bà Đinh Thị N1, Luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; có mặt.

2. Ông Phạm Ngọc T4, Luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; vắng mặt.

3. Ông Ngô Văn T5, Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Mỹ H1, Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; vắng mặt.

- *Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Văn T2 (tên gọi khác Trường T9), sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn Q, xã K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Anh Ngô Văn Q, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Q, xã K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Anh Ngô Văn D, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Q, xã K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

6. Anh Phạm Văn P, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

7. Anh Đồng Văn B, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

8. Anh Đồng Văn S, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Thanh T6; vắng mặt.

2. Anh Đồng Văn T7; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị N; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn V; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ ngày 30/11/2024, các anh, chị Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H3 và Phạm Văn P đi một phao xốp có gắn máy; Đồng Văn B và

Đồng Văn S đi một phao xốp có gắn máy; Nguyễn Văn T2 (tên gọi khác là Trường T8), Ngô Văn Q và Ngô Văn D, đi chung một phao xốp có gắn máy đến khu vực bãi bồi ven biển ở cửa sông V thuộc xã H, thành phố Hải Phòng để khai thác ngao tự nhiên (sau đây gọi là nhóm khai thác ngao).

Khoảng 19 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn M được anh Nguyễn Văn V đi đánh cá, thông báo có nhóm người đang khai thác ngao khu bãi của M. M rủ Nguyễn Văn Đ1 là người làm thuê; đồng thời gọi điện cho bạn là anh Nguyễn Thanh T6 và chú ruột là Nguyễn Văn T2 (tên gọi khác là Trường L) cùng đi ra bãi ngao để bắt những người khai thác ngao; Trường L rủ anh Đồng Văn T7 đi cùng (sau đây gọi là nhóm T2 Lại).

Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, các anh B, S khai thác được khoảng hơn 100 kg ngao; H2, H3, P khai thác được khoảng 60 kg; T2, Q, D đến sau đang khai thác được một ít ngao thì T2 Lại điều khiển xuồng máy chở mọi người đến nơi và yêu cầu toàn bộ nhóm khai thác ngao tập trung lên 01 phao để giải quyết. Lúc này, nhóm Trường L hỏi nhóm khai thác ngao tên gì, ở đâu, đi mấy người, tại sao vào bãi trộm cắp ngao. Trường L hỏi anh H2 "*phao mày đi mấy người*", anh H2 không trả lời, bị Trường L dùng tay tát 01 nhát về phía mặt nhưng không trúng. Sau đó, T2 Lại nhận ra anh T2 Trọc nên nói "*thằng này ăn vạ tốt, vụ vừa rồi đi trộm ngao bị nó đánh ăn vạ được mấy trăm triệu rồi, tao cấm chỉ mày vào bãi ngao con cháu tao*", hai bên lời qua tiếng lại nên Trường L dùng tay đánh vào mặt anh Trường T8, không gây thương tích. Thấy anh Q, D sử dụng điện thoại nên nhóm T2 Lại yêu cầu đưa điện thoại để giao nộp cho Cơ quan Công an. Sau đó, T2 Lại và M bảo đưa tất cả vào bờ để Công an giải quyết; T2 Lại gọi điện báo Công an nhưng nhóm khai thác ngao xin không đưa ra Công an nên Trường L bảo về nhà Trường Lại để giải quyết; tất cả đồng ý. T2 Lại yêu cầu mọi người mang toàn bộ ngao đã khai thác được lên phao đi về bờ. Các anh, chị H3, B, S, P, D, Trường T8 và M đi chung một phao xốp có gắn máy do anh B điều khiển; anh H2 và Đ1 đi chung một phao gắn máy do anh H2 điều khiển; anh Q và Nguyễn T6 đi chung một phao gắn máy do anh Q điều khiển; T2 Lại và Đồng T7 đi xuồng máy về trước. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, tất cả về đến bến rồi đi bộ vào nhà Trường Lại; còn Nguyễn Thanh T6 và Đ1 đi về nhà thay quần áo, không tham gia.

Tại phòng khách nhà Trường Lại có 08 người nhóm khai thác ngao cùng với Trường L, M ngồi ở bàn uống nước để thống nhất giải quyết nội bộ; riêng Đồng T7 có mặt và ăn cơm tại đây nhưng không tham gia vào việc thống nhất. Trường L nói với nhóm khai thác ngao "*chúng mày thích giải quyết nội bộ hay ra Công an*", nhóm khai thác ngao xin giải quyết nội bộ, không trình báo Công an. Vì vậy, Trường L và M yêu cầu nhóm khai thác ngao viết bản cam kết; Trường L và M gọi vợ là Nguyễn Thị N đang nấu cơm ở trong bếp đi lấy giấy bút. N đi lấy giấy bút mang ra để trên mặt bàn. Trường L và M bảo N hướng dẫn cách viết; N có hướng dẫn về thể thức, cách trình bày văn bản như ghi quốc hiệu, thông tin đầy đủ những người viết, sau đó N quay lại bếp nấu cơm, không tham gia bàn bạc, không tham

gia yêu cầu bồi thường. Toàn bộ nội dung trong bản cam kết là do chị H3 đại diện nhóm khai thác ngao trao đổi với M và viết theo yêu cầu của M là chủ bãi ngao. Nội dung thể hiện: "*chúng tôi có hành vi trộm cắp ngao tại bãi ngao của ông Nguyễn Văn M, công cụ đi đánh bắt là 03 mảng chạy và 04 máy đánh bắt ngao. Tài sản trộm cắp, mỗi mảng là 5 tạ, tổng là 1,5 tấn ngao đầu 6, với giá là 15.000 đồng/kg, tổng số tiền là 22.500.000 đồng. Chúng tôi biết hành vi của chúng tôi là sai trái và biết số tiền trên của chúng tôi đủ truy tố trước pháp luật, chúng tôi xin được giải quyết nội bộ và sẽ không vi phạm*". Sau khi tất cả mọi người ký vào bản cam kết, Trường L và M nói "*không đưa ra Công an thì phải bồi thường, khắc phục*"; M nói "*mỗi phao phải khắc phục 30.000.000 đồng*". Thấy số tiền lớn, nhóm khai thác ngao xin giảm số tiền thì T2 Lại nói: "*các cháu bồi thường được bao nhiêu*", "*để M quyết định*" rồi cùng M vào bếp bàn bạc. Một lúc sau, Trường L và M quay lại phòng khách, thông báo mức bồi thường là 20.000.000 đồng cho một phao; tổng cộng 03 phao là 60.000.000 đồng, yêu cầu phải đưa tiền ngay. Nhóm khai thác ngao trình bày số tiền lớn, xin được bồi thường vào sáng hôm sau. Trường L và M đồng ý. Sau khi giải quyết xong sự việc, mọi người ra về. Trước khi về, anh Q và D lấy lại điện thoại của mình trên mặt bàn, đây là điện thoại trước đó nhóm T2 Lại thu giữ tại bãi ngao. Sau đó, B và S mang toàn bộ số ngao của nhóm ra bến bán được 1.100.000 đồng. Hai người đưa lại cho M 1.000.000 đồng và xin giữ lại 100.000 đồng để bù chi phí xăng.

Đến trưa ngày 01/12/2024, hai phao của các anh, chị H2, H3, P; S và B đã đưa cho M 40.000.000 đồng. Riêng các anh Trường T8, Q và D chưa đưa tiền nên M gọi điện hỏi thì anh Trường T8 trả lời: "*Không có tiền, anh muốn làm gì thì làm*". Do bực tức việc chưa được bồi thường và cho rằng cần lấy phương tiện của anh T2 Trọc để làm bằng chứng về việc trộm cắp ngao nên khoảng 16 giờ 30 phút ngày 02/12/2024, M rủ Đ1 cùng đi ra bến Q, xã K, thành phố Hải Phòng lấy phao của anh Trường T8, Đ1 đồng ý. Cả hai đi bộ đến nơi, thấy không có người trông coi, M và Đ1 tháo dây buộc phao rồi điều khiển phao xốp gắn động cơ cùng các phụ kiện trên phao (gồm 02 máy bơm chạy xăng, 02 cào inox và 02 tấm xốp nhỏ dùng để khai thác ngao) của các anh Trường T8, Q và D về bến nhà Trường Lại cất giữ (việc này T2 Lại không biết).

Ngày 04/12/2024, các anh Trường T8, Q, D phát hiện bị mất phao nên có đơn tố giác nhóm Trường L. Do đó, cùng ngày M đã làm đơn tố giác nhóm khai thác ngao về hành vi trộm cắp ngao và giao nộp các file hình ảnh, video ghi lại diễn biến sự việc được lưu trữ trong 01 USB và 01 bản cam kết để phục vụ điều tra. Đồng thời, M và Đ1 đã điều khiển phao xốp đến bến Q để trả lại các anh Trường T8, Q và D; sau đó M đến gặp các anh S, B để bồi thường thiệt hại thêm 5.000.000 đồng.

Ngày 05/12/2024 T2 Lại tự nguyện giao nộp 01 chiếc xuồng máy; ngày 06/12/2024 anh T2 Trọc giao nộp 01 phao xốp gắn máy cùng các phụ kiện trên phao; ngày 22/01/2025 M giao nộp số tiền cưỡng đoạt được 40.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 27/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: "*01 phao xốp dài 05 m, rộng 02 m có gắn động cơ máy và một số phụ kiện, trên phao có 02 máy bơm chạy xăng, 02 cào inox, 02 xốp nhỏ dùng để khai thác ngao. Tổng trị giá tài sản tại thời điểm xảy ra là 38.576.000 đồng*".

Kết luận giám định số 7868/KL-KTHS ngày 28/11/2025 của V1 Bộ C kết luận: "*Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh, hình ảnh trong mẫu gửi giám định (là các file lưu trữ trong 01 USB do Nguyễn Văn M giao nộp). Tiếng nói trong các file video mẫu gửi giám định và tiếng nói của bị can Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T2 là của cùng một người; không giám định được tiếng nói của những người khác do mẫu giám định có chất lượng kém. Nội dung hội thoại trong các file video được chuyển thành văn bản kèm theo Kết luận"*.

Cơ quan điều tra đã tách hành vi trộm cắp tài sản của Nguyễn Văn Đ1, để kết thúc điều tra đề nghị truy tố trước. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2025/HS-ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6, thành phố Hải Phòng đã xét xử Nguyễn Văn Đ1 về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Việc thu giữ, quản lý, xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 phao xốp có gắn động cơ máy và một số phụ kiện (trên phao có 02 máy bơm chạy xăng, 02 cào inox, 02 xốp nhỏ) cho các anh Trường T8, Q, D; trả lại 20.000.000 đồng cho anh chị H2, H3, P; trả lại 20.000.000 đồng cho các anh B, S; trả lại 01 chiếc xuồng máy cho anh Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 2006, cư trú tại thôn N, xã K, thành phố Hải Phòng là chủ sở hữu hợp pháp không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với 01 USB lưu trữ các file hình ảnh, video ghi lại diễn biến sự việc là tài liệu để trong hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Các bị hại đã nhận lại tiền, tài sản và không có yêu cầu hay đề nghị gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 59/CT-VKSKV6 ngày 12/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội Cưỡng đoạt tài sản, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự và Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn T2 về tội Cưỡng đoạt tài sản, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn M mức án từ 39 tháng đến 42 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn M mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 48 tháng đến 54 tháng, thời gian chấp hành án tính từ ngày tạm giam 28/4/2025.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn T2 mức án 36 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 60 tháng.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đối với 01 USB lưu trữ các file hình ảnh, video ghi lại diễn biến sự việc, đã được đánh số bút lục để lưu trong hồ sơ vụ án

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tiền, tài sản và không có yêu cầu hay đề nghị gì khác.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận,

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày ý kiến: Không tranh luận về tội danh và khung hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T2 và xem xét đến nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội của các bị cáo; tình hình sức khỏe của bị cáo T2 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cho bị cáo được hưởng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Kiểm sát viên đối đáp: Đại diện Viện kiểm sát đã căn cứ vào tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân, điều kiện phạm tội; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt như luận tội đối với các bị cáo là phù hợp, đảm bảo tính giáo dục, răn đe phòng ngừa và trừng trị đấu tranh chống tội phạm. Đại diện Viện kiểm sát không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đề nghị cho bị cáo hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Các bị cáo nói lời sau cùng đều tỏ ra ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, kết luận giám định, cơ bản phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

[2.1] Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 30/11/2024 tại thôn N, xã K, thành phố Hải Phòng, Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn T2 (Trường L) có hành vi uy hiếp tinh thần, đe dọa sẽ tố giác vụ việc trộm cắp ngao đến Cơ quan Công an nhằm chiếm đoạt 60.000.000 đồng của các anh, chị Nguyễn Văn T2 (T), Ngô Văn Q, Ngô Văn D, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H3, Phạm Văn P, Đồng Văn S và Đồng Văn B.

[2.2] Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 02/12/2024 tại bến Q, xã K, thành phố Hải Phòng, Nguyễn Văn M đã lén lút chiếm đoạt 01 phao xốp có gắn động cơ máy và một số phụ kiện (trên phao có 02 máy bơm chạy xăng, 02 cào inox, 02 xốp nhỏ dùng để khai thác ngao) của các anh Nguyễn Văn T2 (T), Ngô Văn Q, Ngô Văn D, trị giá 38.576.000 đồng.

[2.3] Như vậy, hành vi của Nguyễn Văn M đã thỏa mãn cấu thành tội Cưỡng đoạt tài sản, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự và tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của Nguyễn Văn T2 đã thỏa mãn cấu thành tội Cưỡng đoạt tài sản, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Cần xử lý nghiêm đối với hành vi phạm tội nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về đánh giá vai trò của các bị cáo đối với tội Cưỡng đoạt tài sản: Trong vụ án này, 02 bị cáo đều có sự nhất trí, cố ý cùng thực hiện tội phạm, nhưng không

có sự bàn bạc từ trước và phân công thực hiện tội phạm, không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Vì vậy, đây thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Nguyễn Văn M là người có động cơ lợi ích trực tiếp, tham gia bàn bạc, đưa ra và thống nhất mức tiền buộc các bị hại phải nộp và là người nhận, quản lý số tiền 40.000.000 đồng đã chiếm đoạt, nên giữ vai trò chính và cao hơn Nguyễn Văn T2.

[5] Về nhân thân: Bị cáo T2 bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng kết án tại Bản án hình sự sơ thẩm số 356 ngày 22/9/1997 về tội Buôn lậu hàng hóa trái phép qua biên giới, đến nay đã được xóa án tích nên được coi như chưa bị kết án.

[6] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; các bị cáo đã cùng thống nhất tự nguyện giao nộp lại toàn bộ 40.000.000 đồng số tiền chiếm đoạt để khắc phục hậu quả, bị cáo M đã bồi thường thiệt hại thêm 5.000.000 đồng cho các anh S, B; bị cáo M có bố mẹ đều là người có công với cách mạng; các bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho các bị cáo; do đó, cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T2 được tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố H và đạt danh hiệu Hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi cấp Trung ương, nhiều Giấy khen của các cơ quan, tổ chức tại địa phương do có thành tích trong lao động, công tác và hoạt động xã hội nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt chính: Đối với tội "Cưỡng đoạt tài sản", đây là vụ án đồng phạm, khi quyết định hình phạt Tòa án xét đến tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo; vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đối với tội "Trộm cắp tài sản", hành vi này do một mình bị cáo Nguyễn Văn M thực hiện, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo T2 đã được xóa án tích, lần phạm tội này là đồng phạm giữ vai trò không đáng kể trong vụ án, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, xét thấy không cần phải bắt bị cáo T2 chấp hành hình phạt tù mà cho được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo M là người giữ vai trò chính trong hành vi cưỡng đoạt tài sản và còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, phạm 02 tội; do đó cần xử phạt nghiêm, buộc bị cáo chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời để phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[8] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo làm nghề lao động tự do, xét đến tình hình tài sản của người phạm tội, tính chất mức độ hành vi phạm tội và thấy rằng hình phạt chính đã đủ nghiêm, bảo đảm tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 USB lưu trữ các file hình ảnh, video ghi lại diễn biến sự việc, đã được đánh số bút lục để tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[10] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Các bị hại đã nhận lại tiền, tài sản và không có yêu cầu hay đề nghị gì khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Trong vụ án này, nhóm Trường L không đánh đập, chửi bới, đe dọa hoặc sử dụng vũ lực nhằm bắt nhóm khai thác ngao để đưa về nhà Trường Lại hay giữ tại phòng khách nhà Trường Lại. Do đó, không có căn cứ xử lý nhóm T2 Lại về tội Bắt, giữ người trái pháp luật theo Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Đối với việc các anh Q, D đưa điện thoại cho nhóm T2 Lại để giao nộp cho Cơ quan Công an, nhưng sau khi giải quyết nội bộ xong, các anh Q, D đã tự lấy lại điện thoại, nên không có dấu hiệu chiếm đoạt tài sản, vì vậy không có căn cứ xử lý.

Các anh Nguyễn Thanh T6, Đồng Văn T7, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị N không bàn bạc, đe dọa, tham gia cùng các bị cáo M, T2 Lại vào việc chiếm đoạt 60.000.000 đồng. Do đó không có căn cứ xử lý về tội Cưỡng đoạt tài sản, theo quy định tại Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Nguyễn Văn M tố giác nhóm khai thác ngao đã trộm cắp ngao, nhưng quá trình điều tra xác định cơ quan có thẩm quyền không cấp phép cho M để nuôi ngao, không có cọc mốc xác định ranh giới, không có chòi canh hoặc người trông coi; số lượng ngao thực tế bán được 1.100.000 đồng. Vì vậy, không có căn cứ xử lý nhóm khai thác ngao về tội Trộm cắp tài sản.

[12] Về án phí: Bị cáo M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định. Bị cáo T2 thuộc trường hợp người cao tuổi, đã có đơn đề nghị miễn án phí, nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn M về tội "Cưỡng đoạt tài sản"; Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn M về tội "Trộm

cắp tài sản"; áp dụng thêm Điều 55 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn M;

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T2;

- Tuyên bố:

+ Bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" và "Trộm cắp tài sản".

+ Bị cáo Nguyễn Văn T2 phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

- Xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Văn M 39 (ba mươi chín) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn M chấp hành hình phạt chung của hai tội là 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam, ngày 28/4/2025.

+ Bị cáo Nguyễn Văn T2 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã K, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

"1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của UBND cấp xã, trường hợp không đồng ý thì UBND cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm

pháp luật, UBND cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho UBND cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc được thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách".

- Căn cứ vào Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự; hủy bỏ biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh đối với bị cáo Nguyễn Văn T2 kể từ ngày tuyên án.

- Về án phí:

+ Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

+ Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Văn T2 được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

+ Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 6 – Hải Phòng;
- Trại tạm giam số 1 Công an TP Hải Phòng;
- Phòng PV06 + PC10 Công an Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra Công an TP Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Ủy ban nhân dân xã Kiến Hải;
- Bị cáo; bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Phạm Thị Ngà

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thế Sự **Tạ Thị Hương** **Phạm Thị Ngà**